

TÁC ĐỘNG CỦA HOẠT ĐỘNG KHUYẾN NÔNG ĐẾN PHÁT TRIỂN KINH TẾ HỘ GIA ĐÌNH TẠI XÃ QUANG HUY, HUYỆN PHÙ YÊN, TỈNH SƠN LA

Trịnh Hải Vân¹, Vi Thị Hồng Phúc²

¹Trường Đại học Lâm nghiệp

²Công ty Cổ phần Tư vấn và Truyền thông Niềm Tin

TÓM TẮT

Trong nhiều năm qua, ở Việt Nam, hoạt động khuyến nông (KN) đã góp phần phát triển kinh tế hộ gia đình, xóa đói giảm nghèo nâng cao đời sống cho nông dân ở nhiều vùng trên cả nước. Bài báo trình bày kết quả phân tích về thực trạng các hoạt động KN, tác động của hoạt động KN đến phát triển kinh tế hộ gia đình (HGD) tại bản Bó Hốc, xã Quang Huy, huyện Phù Yên, tỉnh Sơn La. Nghiên cứu sử dụng các phương pháp chủ yếu là phỏng vấn, phân tích kinh tế HGD và phân tích có chọn lọc các tài liệu thứ cấp. Kết quả nghiên cứu cho thấy: ở cả 3 nhóm hộ (nhóm hộ I, nhóm hộ II, nhóm hộ III) của bản Bó Hốc đều có nguồn thu nhập chính từ trồng trọt và chăn nuôi. Các HGD đã tham gia nhiều các hoạt động KN như: tập huấn, xây dựng mô hình KN... Tác động rõ rệt nhất của hoạt động KN đến phát triển kinh tế HGD là về mặt đóng góp của mô hình KN đến tổng thu nhập của hộ.

Từ khóa: Hộ gia đình, khuyến nông, kinh tế, tác động, tỉnh Sơn La.

1. ĐẶT VẤN ĐỀ

Quang Huy là một xã nằm gần trung tâm thị trấn Phù Yên của tỉnh Sơn La, trong những năm gần đây, cơ cấu kinh tế nông nghiệp - công nghiệp - dịch vụ thay đổi nhanh chóng cùng với quá trình công nghiệp hóa - hiện đại hóa nông nghiệp, nông thôn. Vì vậy, để đảm bảo nhu cầu lương thực, thực phẩm cho toàn xã thì công tác KN được tăng cường triển khai nhằm thúc đẩy nông nghiệp phát triển bền vững. Trong nhiều năm trở lại đây hoạt động KN tại xã Quang Huy đã có những chuyển biến rõ rệt thông qua các lớp tập huấn, đào tạo, các mô hình trình diễn... Các hoạt động này giúp cho nguồn thu nhập của người dân tăng lên, nâng cao nhận thức của người dân, giúp họ tăng khả năng học hỏi, chia sẻ kinh nghiệm và trình độ áp dụng tiến bộ khoa học kỹ thuật ngày càng hoàn thiện. Bên cạnh đó, một số mô hình KN đạt hiệu quả cao đã được người dân nhân rộng để mở rộng sản xuất và mong muốn được tiếp cận thị trường mạnh mẽ hơn. Tuy nhiên, trong quá trình chuyển giao tiến bộ KHKT cho người dân còn gặp một số khó khăn về công tác tuyên truyền các hoạt động khuyến nông, quá trình triển khai các mô hình trình diễn...

Xuất phát từ những vấn đề thực tiễn trên,

nghiên cứu này được tiến hành nhằm đánh giá tác động của các hoạt động khuyến nông, góp phần đề xuất giải pháp nâng cao hiệu quả hoạt động KN gắn với phát triển kinh tế HGD tại địa phương.

2. PHƯƠNG PHÁP NGHIÊN CỨU

Nghiên cứu được tiến hành trong thời gian từ tháng 2 đến tháng 4 năm 2017. Đây là thời điểm thuận lợi cho nhóm nghiên cứu có thể thu thập số liệu ở địa phương trong giai đoạn 2014 - 2016.

Các số liệu về điều kiện tự nhiên, kinh tế xã hội, sử dụng đất, hoạt động khuyến nông, phát triển kinh tế hộ gia đình đã được nhóm nghiên cứu thu thập tại Văn phòng UBND xã Quang Huy và các bộ phận có liên quan như: cán bộ khuyến nông, cán bộ địa chính xã...

Tại xã Quang Huy nhóm nghiên cứu đã tiến hành phỏng vấn Chủ tịch xã, cán bộ KN xã/cán bộ nông nghiệp xã. Các nội dung phỏng vấn ở xã bao gồm: tình hình chung về kinh tế, xã hội của điểm nghiên cứu (xã, thôn); tình hình phát triển nông lâm nghiệp, hiện trạng về sử dụng đất, sản xuất nông lâm nghiệp của xã; các hoạt động khuyến nông, các chương trình, dự án nông lâm nghiệp đã và đang triển khai tại địa phương và định hướng phát triển các

hoạt động KN trong thời gian tới; những khó khăn, thuận lợi khi triển khai các hoạt động KN tại địa phương...

Xã Quang Huy có 22 bản, bao gồm 18 bản vùng thấp và 04 bản vùng cao. Sau khi nghiên cứu các thông tin ở xã, được sự giới thiệu của cán bộ KN xã, nhóm nghiên cứu đã tiến hành chọn 01 thôn (bản) đại diện cho các bản vùng thấp là bản Bó Hóc đáp ứng được các tiêu chí: Thôn có nhiều hoạt động KN diễn ra trong 3 năm gần đây; Thôn có nhiều HGD tham gia hoạt động khuyến nông. Bên cạnh đó bản Bó Hóc có vị trí gần trung tâm xã, diện tích đất đai rộng lớn, rất phù hợp khi xây dựng các mô hình KN để tăng năng suất, chất lượng cây trồng vật nuôi và tăng thu nhập cho người dân. Tại thôn tiến hành phỏng vấn Trưởng thôn và 02 đại diện các tổ chức xã hội trong thôn là Hội nông dân và Hội Phụ nữ để nhằm tìm hiểu rõ hơn về các hoạt động khuyến nông đã triển khai tại thôn.

Trên cơ sở chọn được thôn điểm, nghiên cứu tiến hành chọn các HGD phỏng vấn. Bản Bó Hóc gồm có 75 hộ gia đình. Năm 2016, việc phân loại HGD tại bản Bó Hóc dựa theo Quyết định số 59/2015/QĐ-TTg của Thủ tướng Chính phủ ngày 19/11/2015 về việc ban hành chuẩn nghèo tiếp cận đa chiều cho giai đoạn 2016 - 2020. Kết quả phân loại gồm 3 nhóm hộ: nhóm hộ khá (nhóm I) có 30 hộ, nhóm hộ trung bình (nhóm II) có 32 hộ và nhóm hộ cận nghèo (nhóm III) có 13 hộ. Nhóm nghiên cứu đã chọn 30 HGD ở cả 3 nhóm hộ, mỗi nhóm 10 HGD để phỏng vấn. Tỷ lệ số hộ phỏng vấn so với từng nhóm hộ là: nhóm hộ I: 10 hộ phỏng vấn, chiếm 33,3% số hộ nhóm I trong thôn; nhóm hộ II: 10 hộ phỏng vấn, chiếm 31,25% số hộ nhóm II trong thôn; nhóm hộ III: 10 hộ phỏng vấn, chiếm 76,9% số hộ nhóm III trong thôn. 30 HGD phỏng vấn là những HGD tự nguyện, nhiệt tình tham gia hoạt động KN tại địa phương. Các HGD được lựa chọn theo phương pháp ngẫu nhiên. Tiến hành phỏng vấn HGD nhằm thu thập thông tin để xử lý số liệu.

Các thông tin chính về đặc điểm cơ bản của HGD, các loại đất sản xuất; sự tham gia của HGD vào hoạt động khuyến nông; ảnh hưởng của hoạt động KN đến phát triển kinh tế HGD; thuận lợi, khó khăn của HGD khi tham gia các hoạt động KN và đề xuất giải pháp nâng cao hiệu quả hoạt động KN tại địa phương. Thu thập các thông tin về phân tích kinh tế HGD và các yếu tố cấu thành thu nhập của hộ gia đình điều tra.

3. KẾT QUẢ VÀ THẢO LUẬN

3.1. Các hoạt động khuyến nông tại xã Quang Huy giai đoạn 2014 - 2016

Tại xã Quang Huy các hoạt động KN hàng năm triển khai thực hiện ở xã tương đối nhiều. Tổ KN xã đã phối hợp với chính quyền địa phương tổ chức các lớp tập huấn về trồng trọt, chăn nuôi cho nhiều lượt nông dân áp dụng tiến bộ khoa học kỹ thuật vào sản xuất.

Giai đoạn 2014 - 2016 tại xã Quang Huy đã triển khai nhiều hoạt động khuyến nông, tập trung chính vào các hoạt động như: tập huấn, xây dựng mô hình và thông tin tuyên truyền; hoạt động về cung cấp dịch vụ KN còn hạn chế. Việc tổ chức các hoạt động KN đã được triển khai rộng khắp ở 22 bản trong xã. Trong đó tùy thuộc vào đặc điểm sản xuất và nhu cầu của từng bản để cán bộ KN lựa chọn chủ đề tập huấn và xây dựng mô hình KN cho phù hợp.

Tập huấn kỹ thuật là hoạt động thường xuyên hàng năm và được KN rất chú trọng. Nội dung tập huấn đa dạng bao gồm cả trồng trọt và chăn nuôi. Các lớp tập huấn được tổ chức trước các mùa vụ giúp người dân có cái nhìn hiệu quả trước khi thực hiện các mô hình, họ có cơ sở để tham gia các mô hình với mong muốn thực hiện thành công các mô hình để đem lại hiệu quả kinh tế cao. Thời gian tổ chức lớp từ 1 - 2 giờ/lớp và số lượng các lớp khoảng 30 - 40 người/lớp cũng góp phần làm tăng hiệu quả cho lớp học. Địa điểm tổ chức lớp tập huấn được tổ chức chủ yếu ở UBND xã và nhà văn hóa của các thôn/bản, đây là nơi rộng rãi, phù hợp để tổ chức lớp tập huấn.

Bảng 1. Thống kê các hoạt động KN tại xã Quang Huy giai đoạn 2014 - 2016

STT	Nội dung hoạt động KN	ĐVT	Năm 2014	Năm 2015	Năm 2016
1	Tập huấn và đào tạo				
	Tập huấn kỹ thuật	Lớp	6	7	9
	Nội dung tập huấn		Kỹ thuật phòng bệnh cho gia súc, gia cầm; Hướng dẫn cách sử dụng thuốc BVTV; Kỹ thuật nuôi bò sinh sản; Kỹ thuật chăn nuôi lợn thịt, nái sinh sản; Phòng chống đói rét cho gia súc; Kỹ thuật ủ rơm rạ cho trâu, bò mùa đông	Kỹ thuật gieo mạ cho giống lúa TBR 225; Kỹ thuật cấy theo phương pháp mới cho giống lúa TBR 225; Tập huấn về cây trồng vật nuôi của Công ty Việt Mỹ; Kỹ thuật chăm sóc trâu, bò đực giống phối có chữa; Kỹ thuật cấy theo phương pháp mới cho giống lúa CXT 30; Kỹ thuật làm ngô bầu, ngô bánh; Kỹ thuật phòng chống đói rét cho gia súc, gia cầm	Kỹ thuật trồng lúa cạn; Kỹ thuật trồng và chăm sóc lúa nương; Kỹ thuật cấy lúa hiệu ứng hàng biên; Kỹ thuật trồng giống lúa ĐS1; Kỹ thuật trồng cà chua; Kỹ thuật trồng ngô năng suất cao (ngô nếp tím); Kỹ thuật phòng chống đói rét cho trâu, bò mùa đông; Kỹ thuật trồng rau, su hào an toàn; Kỹ thuật nuôi gà Đông Tảo thả vườn
2	Xây dựng mô hình				
	Mô hình trồng trọt	Mô hình	4	5	7
	Mô hình chăn nuôi	Mô hình	3	1	2
	Tổ chức tham quan	Buổi	0	1	1
3	Thông tin tuyên truyền				
	Tài liệu phát tay	Tờ	473	550	650
	Sách/báo/tạp chí KN	Quyển	1	2	3
	Hội thảo/hội họp	Buổi	0	3	4
	Hội thi	Lượt	1	1	3
	Bản tin	Bài	11	15	21
4	Cung cấp dịch vụ				
	Hỗ trợ con giống (lợn F1)	Con	42	50	55
	Máy nông nghiệp	Cái	0	2	0

(Nguồn: UBND xã Quang Huy)

Công tác tuyên truyền trong KN tại xã ngày càng tăng và đổi mới hình thức tuyên truyền. Ban đầu chỉ có hình thức tuyên truyền qua các tài liệu phát tay tại các buổi tập huấn và một số bản tin KN vào trước các mùa vụ. Sau đó các hình thức tuyên truyền đã phát triển đa dạng

như: biên soạn sách, báo, tạp chí KN và tổ chức các hội thi như: hội thi Cấy lúa nhanh... Việc tiếp cận để nâng cao tinh thần học hỏi kinh nghiệm, để kiểm tra kỹ năng cấy Lúa của người dân thông qua hội thi “Cấy lúa nhanh” đã được các hộ nông dân nhiệt tình tham gia.

Họ được chia sẻ kinh nghiệm về cách cấy lúa nhanh, cấy đều, đẹp, thẳng hàng, cấy đúng dành lúa góp phần mang lại hiệu quả cao cho các vụ mùa, từ đó góp phần tăng năng suất lao động.

Xã Quang Huy có 22 bản, trong đó bản Bó Hóc

nằm gần trung tâm xã, có điều kiện giao thông thuận lợi; người dân trong thôn có trình độ dân trí khá hơn, tiếp thu KHKT nhanh. Trong giai đoạn 2014 - 2016 tại bản Bó Hóc đã được xã quan tâm hỗ trợ các hoạt động KN như trong bảng 2.

Bảng 2. Thống kê các hoạt động KN chủ yếu tại bản Bó Hóc, xã Quang Huy giai đoạn 2014 - 2016

Năm	Tên lớp tập huấn/mô hình	Số lượng hộ tham gia
2014	Tập huấn kỹ thuật phòng bệnh cho gia súc gia cầm	20
	Tập huấn kỹ thuật cấy theo phương pháp mới cho giống lúa CXT 30	32
2015	Mô hình lúa CXT 30 (MH1)	3
	Mô hình trồng khoai tây vụ đông (MH2)	2
	Tập huấn kỹ thuật trồng cà chua	39
	Tập huấn kỹ thuật trồng ngô năng suất cao (ngô nếp tím)	15
	Tập huấn kỹ thuật trồng rau, su hào an toàn	40
	Tập huấn kỹ thuật nuôi gà Đông Tảo thả vườn	59
2016	Mô hình trồng cà chua (MH3)	15
	Mô hình trồng khoai tây vụ đông (MH4)	7
	Mô hình chăn nuôi lợn thịt (MH5)	10
	Mô hình nuôi gà Đông Tảo thả vườn (MH6)	11

Kết quả bảng 2 cho thấy các hoạt động tập huấn khuyến nông, xây dựng mô hình trình diễn trong KN tại bản Bó Hóc khá đa dạng, tập trung vào nhiều loại cây trồng, vật nuôi. Năm 2016 có nhiều lớp tập huấn và xây dựng mô hình trình diễn hơn cả, với số lượng HGD tham gia cũng cao hơn các năm 2014, 2015. Đặc biệt năm 2016 dựa vào nhu cầu của người dân, CBKN xã lựa chọn các loại cây trồng mới, thu hoạch sớm và đem lại năng suất cao như: trồng Cà chua, Su hào an toàn, giống Lúa ĐS1 và

Ngô nếp tím. Giống Ngô tím năng suất cao Fancy 111 đã được CBKN đưa vào trồng thử nghiệm, khi thu hoạch được CBKN hỗ trợ tìm kiếm thị trường đầu ra nên thương lái đến tìm và mua với giá cao.

3.2. Hoạt động sản xuất của các HGD tại xã Quang Huy

Bản Bó Hóc có 75 HGD, kết quả điều tra các hoạt động sản xuất của 30 HGD điểm được thể hiện ở bảng 3.

Bảng 3. Diện tích đất sản xuất của các HGD nghiên cứu tại bản Bó Hóc năm 2016

Loại đất	Diện tích trung bình (m ²)			Loại cây trồng, vật nuôi
	Nhóm hộ I	Nhóm hộ II	Nhóm hộ III	
Đất ruộng	1.750	1.630	2.250	Lúa, ngô, rau các loại (cà chua, su hào, khoai tây...)
Đất vườn nhà	360	230	150	Đình lăng, các loại cây ăn quả
Chuồng trại	650	280	180	Bò, lợn, gà, vịt, dê, ngựa
Ao hồ	300	190	140	Cá: trắm, mè, rô phi, chép, chim, quả...
Tổng diện tích đất TB/hộ (m²)	3.060	2.330	2.720	

HGD nhóm I có diện tích đất trung bình/hộ là lớn nhất so với 2 nhóm hộ còn lại.

Diện tích đất ruộng của cả 3 nhóm hộ đều lớn hơn so với diện tích các loại đất khác,

trong đó chủ yếu là diện tích canh tác Lúa nước. Lúa nước là loài cây mà người dân có kinh nghiệm canh tác từ lâu, trong thời gian qua cũng đã được cán bộ KN giới thiệu nhiều loại giống lúa mới và hướng dẫn người dân áp dụng nhiều tiến bộ khoa học kỹ thuật để có năng suất và sản lượng cao hơn. Năm 2015 thực hiện chỉ đạo của Trạm KN huyện, xã Quang Huy đưa giống Lúa CXT 30 cho năng suất cao vào trồng mô hình thử nghiệm tại 3 HGD của bản Bó Hóc, 3 hộ này đều là hộ nhóm III thuộc phạm vi 30 hộ điều tra. Một số HGD của cả 3 nhóm hộ đều được tham gia tập huấn kỹ thuật cấy theo phương pháp mới cho giống lúa này. Bên cạnh lúa nước thì các loại cây rau màu như cà chua, khoai tây, su hào... cũng được người dân bản Bó Hóc quan tâm trong thời gian từ năm 2015 đến nay và đóng góp phần nhỏ vào thu nhập của HGD.

Diện tích chuồng trại của các nhóm hộ có diện tích lớn thứ 2, chủ yếu là chăn nuôi lợn nái, lợn thịt, gà, vịt, ngan, bò và một số hộ có nuôi ngựa và dê. Tuy diện tích không lớn như đất ruộng nhưng đa số chăn nuôi là nguồn thu mang lại hiệu quả nhất cho các hộ gia đình. Các HGD đạt danh hiệu chăn nuôi giỏi đều tập trung vào các HGD nhóm hộ I. Do chi phí đầu

tư cho các con giống vật nuôi lớn nên các HGD nhóm II, nhóm III chưa có điều kiện đầu tư và chăm sóc, các hộ chỉ chăn nuôi để phục vụ gia đình và rất khó để đầu tư số lượng lớn và áp dụng khoa học kỹ thuật như nhóm hộ I. Diện tích ao hồ của 3 nhóm hộ không lớn, chỉ tập trung đầu tư một lần vào đầu năm và thu vào cuối năm, thu nhập của các hộ dao động từ 10 - 45 triệu đồng/hộ/năm, tùy vào diện tích ao hồ và chi phí đầu tư của các hộ là khác nhau.

Để thấy rõ được kết quả các hoạt động sản xuất của các HGD, nhóm nghiên cứu đã tiến hành phỏng vấn phân tích kinh tế HGD. Trong phần tính thu nhập của HGD dựa theo nguyên tắc: Công lao động của HGD không được quy đổi sang chi phí đầu tư bằng tiền cho sản xuất; Phần thu nhập từ nông nghiệp và chăn nuôi được tính toán tất cả sản phẩm do HGD sản xuất ra bao gồm cả phần được sử dụng cho gia đình; Tổng thu nhập đã trừ đi các chi phí sản xuất. Cơ cấu thu nhập của người dân địa phương bao gồm 3 nguồn chính: (1) Sản xuất nông nghiệp: trồng lúa, trồng màu và vườn nhà; (2) Chăn nuôi; (3) Nguồn thu khác như: làm công ăn lương, làm thuê, nghề phụ, dịch vụ thương mại...

Bảng 4. Cơ cấu thu nhập trung bình của các HGD tại bản Bó Hóc năm 2016

STT	Nguồn thu nhập	ĐVT: đồng/năm		
		Nhóm hộ I (N = 10)	Nhóm hộ II (N = 10)	Nhóm hộ III (N = 10)
1	Trồng trọt	25.429.000	24.283.000	35.750.000
	Lúa	18.370.000	16.115.000	23.630.000
	Ngô	1.700.000	2.475.000	3.300.000
	Rau các loại	1.329.000	4.393.000	7.730.000
	Vườn nhà	4.030.000	1.300.000	1.090.000
2	Chăn nuôi	74.280.000	71.130.000	49.600.000
	Lợn	35.480.000	24.750.000	17.260.000
	Gà	23.790.000	28.000.000	19.490.000
	Vật nuôi khác (cá, vịt, ngan, bò, ngựa...)	15.020.000	18.380.000	12.850.000
3	Khác	57.490.000	44.150.000	24.580.000
Tổng thu nhập TB/hộ/năm		157.199.000	139.563.000	109.930.000

Tổng thu nhập bình quân của các HGD thuộc nhóm hộ I cao nhất với 157.199.000 đồng/năm, tiếp theo là các HGD thuộc nhóm

hộ II là 139.563.000 đồng/năm, thấp nhất là các HGD nhóm hộ III là 109.930.000 đồng/năm. Thu nhập từ chăn nuôi của nhóm hộ

I chiếm tỷ trọng cao nhất trong tổng thu nhập và cũng cao hơn so với 2 nhóm hộ còn lại. Điều này cho thấy, các HGD thuộc nhóm hộ I thấy được tiềm năng của ngành chăn nuôi cao, nên đã đầu tư áp dụng các tiên bộ khoa học kỹ thuật để tăng thu nhập cho HGD như đầu tư xây dựng chuồng trại, bổ sung men ủ vào thức ăn chăn nuôi... Nhóm hộ II tuy thu nhập thấp hơn nhóm hộ I, nhưng có 2 hộ đã bắt đầu chuyển đổi từ thu nhập chính là trồng trọt sang chăn nuôi như giảm đầu tư cho trồng lúa, ngô để tăng đầu tư cho nuôi gà thả vườn. Nhóm hộ III khó khăn hơn các nhóm hộ khác, các hộ mới chỉ chăn nuôi để đáp ứng nhu cầu thiết yếu mà chưa dám đầu tư, mặc dù rất muốn đầu tư phát triển, bởi vậy cần có sự giúp đỡ về vốn của các ban ngành và chính quyền địa phương.

Thu nhập về dịch vụ - thương mại, nghề phụ và các ngành nghề khác của các nhóm hộ

cũng góp phần làm tăng thu nhập cho các HGD. Nhóm hộ I có lợi thế rất lớn khi có nguồn thu từ chăn nuôi, bên cạnh đó để tăng thu nhập cho gia đình nhóm hộ I còn đầu tư vào ngành dịch vụ - thương mại như buôn bán cám, bán thuốc BVTV, đi tiêm vắc-xin cho gia súc, gia cầm. Ngoài ra các sản phẩm dư thừa từ trồng trọt, chăn nuôi nhóm hộ I còn tận dụng để nấu rượu, làm bánh... đem các sản phẩm của gia đình làm được ra phục vụ các HGD khác trong bản.

3.3. Tác động của hoạt động khuyến nông đến phát triển kinh tế HGD tại bản Bó Hốc, xã Quang Huy

Sự tham gia của các nhóm hộ vào hoạt động KN có vai trò vô cùng quan trọng để phát triển kinh tế của HGD cũng như góp phần vào phát triển kinh tế - xã hội tại thôn/bản.

Bảng 5. Sự tham gia của các HGD vào các hoạt động KN tại bản Bó Hốc năm 2016

STT	Nội dung hoạt động KN	Số hộ tham gia/số hộ điều tra		
		Nhóm hộ I (N = 10)	Nhóm hộ II (N = 10)	Nhóm hộ III (N = 10)
1	Tập huấn và đào tạo	9/10	9/10	8/10
2	Xây dựng mô hình			
	Xây dựng mô hình	8/10	5/10	5/10
	Tham quan mô hình	5/10	5/10	3/10
3	Thông tin tuyên truyền			
	Tài liệu phát tay	7/10	6/10	7/10

Kết quả phỏng vấn 30 hộ cho thấy: sự tham gia của các nhóm hộ vào hoạt động KN tại bản Bó Hốc khá đa dạng và tham gia tương đối đầy đủ vào các hoạt động. Trong đó tập huấn kỹ thuật là hoạt động mà cả 3 nhóm hộ đều tham gia nhiều nhất vì người dân nhận thức được tầm quan trọng của việc đổi mới kỹ thuật trong trồng trọt và chăn nuôi. Bên cạnh đó xây dựng mô hình trình diễn trong KN là hoạt động mà người dân đánh giá rất có hiệu quả vì người dân được trực tiếp tham gia áp dụng KHKT mới, góp phần nâng cao trực tiếp hiệu quả sản xuất. Nhóm hộ I được tham gia vào việc xây dựng mô hình trình diễn nhiều hơn các nhóm hộ II và III do những hộ nhóm I có điều kiện sản xuất tốt hơn, khả năng đầu tư cao hơn vào các hoạt động trồng trọt, chăn nuôi.

Năm 2016 sự tham gia của các HGD vào thực hiện các mô hình KN tại bản Bó Hốc được thể hiện như bảng 6.

Trong năm 2016 vừa qua tại bản Bó Hốc có những hộ tham gia cả 4 mô hình trên, trung bình mỗi hộ tham gia từ 1 - 2 mô hình. Khi tham gia vào các mô hình KN, người dân đều được hỗ trợ giống, Nhà nước hỗ trợ 70% giống sản xuất và vay vốn ngân hàng với mức lãi suất thấp. Vì thế mà chi phí đầu tư của HGD giảm đáng kể ở khâu mua cây, con giống. Đặc biệt với các mô hình trồng trọt còn được hỗ trợ về tìm kiếm thị trường tiêu thụ giúp người dân yên tâm tham gia mô hình. Các HGD chỉ cần bỏ ra chi phí mua thuốc trừ sâu, thuốc diệt cỏ và thực hiện đúng kỹ thuật theo hướng dẫn của CBKN xã để đạt hiệu quả mô hình cao nhất.

Sau khi kết thúc các mô hình, nhiều HGD đã nhập cho gia đình. quyết tâm mở rộng sản xuất để tăng nguồn thu

Bảng 6. Sự tham gia của các HGD vào thực hiện các mô hình KN tại bản Bó Hốc năm 2016

STT	Mô hình	Nội dung hỗ trợ	Số hộ tham gia/ số hộ điều tra			Tổng số hộ tham gia/số hộ điều tra
			Nhóm hộ I	Nhóm hộ II	Nhóm hộ III	
1	Mô hình trồng cà chua (MH3)	- Hỗ trợ giống - Hỗ trợ thị trường	4/10	5/10	4/10	13/30
2	MH trồng khoai tây vụ đông (MH4)		1/10	2/10	3/10	6/30
3	MH chăn nuôi lợn thịt (MH5)	- Hỗ trợ giống	5/10	4/10	1/10	10/30
4	MH nuôi gà Đông Tảo thả vườn (MH6)		4/10	4/10	3/10	11/30

Trong tất cả các hoạt động khuyến nông thì việc tham gia các mô hình KN là hoạt động trực tiếp tạo ra thu nhập của HGD. Nhóm nghiên cứu đã lựa chọn 1 HGD điển hình trong mỗi nhóm hộ có tham gia mô hình KN giai đoạn 2015 - 2016 để phân tích tác động của hoạt động KN đến phát triển kinh tế HGD.

Hộ gia đình Ông Vi Văn Tuyền - đại diện nhóm hộ I: diện tích đất sản xuất là 3.450 m². Năm 2015 gia đình chăn nuôi lợn thịt, gà, bên cạnh đó có trồng lúa, ngô. Năm 2016 hộ ông Tuyền tham gia cả 4 mô hình khuyến nông: MH trồng cà chua với 150 m², MH trồng khoai tây vụ đông với 350 m², MH nuôi lợn thịt với 15 con, MH nuôi gà Đông Tảo với 50 con. Kết quả tính toán năm 2016 cho thấy: Tổng thu nhập của HGD là 150.990.000 đồng/năm; trong đó: MH nuôi gà Đông Tảo thả vườn chiếm 18%, MH nuôi lợn thịt chiếm 29%, MH trồng cà chua và khoai tây vụ đông chỉ chiếm 3% tổng thu nhập của hộ. Điều này cho thấy, khi tham gia nhiều mô hình khuyến nông khác nhau, HGD sẽ có nhiều nguồn thu nhập đa dạng. Ông Tuyền cho biết: khi tham gia vào các mô hình chăn nuôi, tình hình thu nhập của gia đình tăng, họ được giao lưu, học hỏi kinh nghiệm các HGD sản xuất giỏi.

Hộ gia đình Ông Lò Thanh Thư - đại diện nhóm hộ II: Diện tích đất sản xuất là 2.900 m². Năm 2015 gia đình chăn nuôi lợn thịt, gà, vịt, cá, bên cạnh đó có trồng lúa, ngô và hộ có tham gia mô hình trồng khoai tây vụ đông với

480 m², MH này đóng góp 7% vào tổng thu nhập của hộ. Năm 2016, hộ ông Thư tiếp tục duy trì MH trồng khoai tây vụ đông. Bên cạnh đó, được sự vận động và chia sẻ kinh nghiệm của các CBKN xã và các hộ sản xuất giỏi, ông Thư đã vay vốn của ngân hàng để mở rộng quy mô MH chăn nuôi lợn thịt với 8 con và MH nuôi gà Đông Tảo với 100 con. Kết quả tính toán thu nhập năm 2016 cho thấy: Tổng thu nhập của HGD là 142.330.000 đồng/năm; trong đó: MH chăn nuôi gà Đông Tảo thả vườn đóng góp 29%, MH chăn nuôi lợn thịt đóng góp 16%, MH trồng khoai tây đóng góp 5% vào tổng thu nhập của hộ. Như vậy đối với nhóm hộ II đóng góp từ MH nuôi gà Đông Tảo thả vườn cao hơn so với các MH còn lại.

Hộ gia đình Bà Lương Thị Tâm - đại diện nhóm hộ III: Diện tích đất sản xuất là 3.200m². Năm 2015 gia đình trồng lúa, các loại rau là chủ yếu, bên cạnh đó có chăn nuôi lợn thịt, gà, vịt, cá và hộ có tham gia mô hình trồng lúa CXT 30 với 1.200 m², MH này đóng góp 18% vào tổng thu nhập của hộ. Năm 2016 nguồn thu nhập của nhà bà Lương Thị Tâm đa dạng hơn do tham gia vào cả 4 mô hình KN: MH trồng cà chua với 300 m², MH trồng khoai tây vụ đông với 650 m², MH nuôi lợn thịt với 5 con, MH nuôi gà Đông Tảo với 25 con. Kết quả tính toán năm 2016 cho thấy: Tổng thu nhập của HGD là 104.650.000 đồng/năm; trong đó: mô hình chăn nuôi gà Đông tảo thả vườn chiếm 15%, các MH trồng cà chua và

MH trồng khoai tây vụ đông chiếm 19%, MH nuôi lợn thịt chiếm 10% vào tổng thu nhập của hộ. Như vậy, khác với nhóm hộ I và II, nhóm hộ III tập trung nhiều hơn vào các mô hình trồng trọt để tăng thu nhập cho gia đình, bởi

đây là nguồn thu nhập chính của họ. Mặt khác, do số vốn đầu tư vào mô hình chăn nuôi cao và khả năng gặp nhiều rủi ro cao nên họ chưa dám mạnh dạn đầu tư.

Bảng 7. Tác động về mặt xã hội của hoạt động KN đến các HGD tại bản Bó Hóc

STT	Tiêu chí	Số hộ tham gia/số hộ điều tra		
		Nhóm hộ I (N = 10)	Nhóm hộ II (N = 10)	Nhóm hộ III (N = 10)
1	Nâng cao nhận thức	10/10	10/10	10/10
2	Được chia sẻ, học hỏi kinh nghiệm	10/10	8/10	5/10
3	Khả năng áp dụng các tiến bộ KHKT vào sản xuất nông nghiệp	9/10	5/10	5/10
4	Mở rộng quy mô sản xuất nông nghiệp	8/10	7/10	4/10
5	Giải quyết việc làm	10/10	8/10	8/10
6	Khả năng tìm kiếm thị trường	9/10	7/10	4/10

Kết quả phỏng vấn cho thấy trong suốt quá trình thực hiện các hoạt động khuyến nông, các hộ đều được tham dự các lớp tập huấn chuyên giao tiến bộ khoa học kỹ thuật, tham quan hội thảo... góp phần nâng cao nhận thức về kỹ thuật sản xuất, trình độ thâm canh. Trong 3 nhóm hộ thì nhóm hộ I khi thực hiện các hoạt động KN họ được chia sẻ và học hỏi kinh nghiệm nhiều hơn do những hộ này có kinh nghiệm trong chăn nuôi. Sau khi được tham gia các hoạt động tập huấn, xây dựng mô hình trình diễn thì khả năng áp dụng các tiến bộ KHKT vào sản xuất nông nghiệp của các nhóm hộ đều tăng lên.

Hầu hết các HGD đều quyết định mở rộng quy mô sản xuất theo hướng tăng số lượng vật nuôi chủ yếu như lợn, gà và tăng diện tích trồng các loại rau theo hướng an toàn. Các HGD đều nhận thấy rằng mở rộng sản xuất, áp dụng các tiến bộ KHKT, các phương pháp sản xuất mới sẽ đem lại nguồn thu nhập lớn cho họ, bên cạnh đó còn giải phóng sức lao động và giải quyết tốt vấn đề việc làm cho gia đình, cho địa phương. Có 8/10 HGD nhóm I mở rộng quy mô sản xuất đối với các loại vật nuôi như lợn thịt, gà, trung bình tăng từ 5 - 10 con lợn thịt/hộ, 15 - 20 con gà/hộ và trồng thêm một số loại rau để có thức ăn cho chăn nuôi. Có 7/10 HGD nhóm II mở rộng quy mô chăn nuôi gà, trung bình tăng từ 10 - 20 con/1 hộ vì đầu tư vốn vừa phải, kỹ thuật dễ áp dụng. Có

4/10 HGD nhóm III mở rộng quy mô và thay đổi cơ cấu cây trồng trong trồng các loại rau theo hướng an toàn vì điều kiện kinh tế còn gặp nhiều khó khăn nên chưa đầu tư nhiều vào chăn nuôi.

Khả năng tìm kiếm thị trường của các nhóm hộ nhìn chung đã có sự tiếp cận tốt đối với nhóm hộ I, II do 2 nhóm hộ này đã chủ động liên kết với nhau trong khâu tiêu thụ sản phẩm qua thương lái. Nhóm hộ III khả năng tìm kiếm thị trường thấp hơn cả do các sản phẩm làm ra chưa đa dạng, chưa có sự liên kết trong tiêu thụ sản phẩm chăn nuôi.

4. KẾT LUẬN

Xã Quang Huy trong giai đoạn 2014 - 2016 đã triển khai tương đối nhiều các hoạt động khuyến nông. Bên cạnh những thành công đã đạt được vẫn còn không ít các yếu tố ảnh hưởng đến hiệu quả hoạt động khuyến nông.

Về việc tổ chức thực hiện các hoạt động khuyến nông: Hoạt động tập huấn kỹ thuật được người dân quan tâm nhiều nhất. Hoạt động thông tin tuyên truyền nhìn chung hiệu quả chưa cao do số lượng hộ gia đình được tiếp cận với tờ rơi và ấn phẩm khuyến nông còn chưa đầy đủ (bảng 5). Việc xây dựng mô hình khuyến nông đã thu hút được các HGD ở cả 3 nhóm hộ tham gia. Tuy nhiên số lượng hộ nhóm II, nhóm III tham gia các mô hình khuyến nông chưa nhiều do khả năng đầu tư còn hạn chế (bảng 5). Như vậy trong thời gian

tới cần tập trung các giải pháp để nâng cao chất lượng hoạt động thông tin tuyên truyền thông qua việc cán bộ khuyến nông sẽ phổ biến các thông tin đến đầy đủ các HGD và tích cực vận động các HGD tham gia nhiều hơn vào các mô hình khuyến nông.

Tác động của hoạt động KN đến phát triển kinh tế hộ về mặt kinh tế của 3 nhóm hộ là khác nhau. Nhóm hộ I có lợi thế về diện tích đất, trong đó đất chuồng trại lớn hơn so với 2 nhóm hộ còn lại (bảng 3), cộng thêm với có nhiều kinh nghiệm trong chăn nuôi, có khả năng đầu tư nên thu nhập chủ yếu từ mô hình KN chăn nuôi lợn thịt. Nhóm hộ II đang có xu hướng chuyển đổi từ trồng trọt sang chăn nuôi, thu nhập chủ yếu từ mô hình KN nuôi gà Đông Tảo thả vườn. Nhóm hộ III có lợi thế về diện tích đất trồng trọt nhiều hơn 2 nhóm hộ còn lại (bảng 3), có nhiều kinh nghiệm trồng trọt nhưng thiếu vốn trong chăn nuôi, chưa mạnh dạn đầu tư nên thu nhập chủ yếu từ mô hình KN trồng trọt như trồng khoai tây, cà chua.

Giải pháp đề xuất đối với nhóm hộ I, nhóm hộ II là tiếp tục duy trì và phát triển, mở rộng

quy mô chăn nuôi; nhóm hộ III tiếp tục phát triển trồng trọt, có chính sách hỗ trợ của Nhà nước để vay vốn đầu tư vào chăn nuôi. Về mặt xã hội: Sau khi được tham gia các lớp tập huấn, mô hình trình diễn... các HGD đã tự tích lũy thêm được nhiều kiến thức, mở rộng sản xuất, tự học hỏi và chia sẻ kinh nghiệm cho nhau. Như vậy, đối với các nhóm hộ cần thực hiện các giải pháp vận động, tuyên truyền, liên kết nhóm hộ để thực hiện tốt các hoạt động khuyến nông.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. Phòng Khuyến nông xã Quang Huy (2017). *Các báo cáo tổng kết hoạt động khuyến nông giai đoạn 2014 - 2016*, Sơn La.
2. Đinh Đức Thuận, Phạm Đức Tuấn, Nguyễn Bá Ngãi (2006). *Giáo trình khuyến lâm*. NXB. Nông nghiệp, Hà Nội.
3. Phạm Quang Vinh, Trịnh Hải Vân (2011). *Bài giảng Đánh giá nông thôn*. Trường Đại học Lâm nghiệp.
4. Trịnh Hải Vân, Hoàng Ngọc Ý (2015). *Bài giảng Phương pháp khuyến nông*. Trường Đại học Lâm nghiệp.
5. UBND xã Quang Huy (2016). *Báo cáo kết quả thực hiện nhiệm vụ phát triển kinh tế - xã hội năm 2016. Phương hướng nhiệm vụ phát triển kinh tế - xã hội năm 2017*, Sơn La.

IMPACT OF AGRICULTURAL PROMOTION ON ECONOMIC DEVELOPMENT HOUSEHOLD IN QUANG HUY COMMUNE, PHU YEN DISTRICT, SON LA PROVINCE

Trinh Hai Van¹, Vi Thi Hong Phuc²

¹*Vietnam National University of Forestry*

²*Trust Media and Consulting Joint Stock Company*

SUMMARY

In Vietnam, for many years, agricultural extension has contributed to the development of the household economy, poverty reduction and improvement of living standards for farmers in many regions across the country. The paper presents the analysis results of the current status of operational activities, impacts of extension activities to household economic development in Bo Hoc village, Quang Huy commune, Phu Yen district, Son La province. The study uses the main methods of interview, household economic analysis and selective analysis of secondary documents. The research results show that: in all 3 groups of households (group I, group II, group III) of Bo Hoc village, there are main sources of income from cultivation and animal husbandry. Households have participated in many extension activities such as training, developing skills model... The most obvious impact of extension activities on household economy development is in terms of contribution of skills model to total income of household.

Keywords: Agricultural extension, economy, household, impact, Sonla province.

Ngày nhận bài : 05/01/2019

Ngày phản biện : 12/3/2019

Ngày quyết định đăng : 03/4/2019